

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng
công trình: Kè chống sạt lở bờ sông Trà Cầu,
đoạn qua xã Phổ Văn, Phổ Thuận, huyện Đức Phổ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 16 Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh về việc phân khai kinh phí hỗ trợ dân sinh, khắc phục cấp bách các công trình bị hư hỏng, thiệt hại do mưa, lũ gây ra từ ngày 18/12 đến ngày 25/12/2018;

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đầu tư xây dựng cấp bách công trình: Kè chống sạt lở bờ sông Trà Cầu, đoạn qua xã Phổ Văn, Phổ Thuận, huyện Đức Phổ;

Xét đề nghị của UBND huyện Đức Phổ tại Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 10/7/2019 và đề xuất của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 1979/SNNPTNT ngày 24/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán xây dựng công trình: Kè chống sạt lở bờ sông Trà Câu, đoạn qua xã Phở Văn, Phở Thuận, huyện Đức Phổ, với các nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Kè chống sạt lở bờ sông Trà Câu, đoạn qua xã Phở Văn, Phở Thuận, huyện Đức Phổ.

2. Thuộc dự án đầu tư: Kè chống sạt lở bờ sông Trà Câu, đoạn qua xã Phở Văn, Phở Thuận, huyện Đức Phổ.

3. Loại và cấp công trình

- Loại công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (Công trình thủy lợi).

- Cấp công trình: Kè bảo vệ bờ cấp IV.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Phở Văn và xã Phở Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Liên danh Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và đầu tư Quảng Ngãi và Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Trung Long.

6. Chủ nhiệm thiết kế: Thạc sĩ Nguyễn Xuân Nam.

7. Cơ quan tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Bình Sơn.

8. Chủ đầu tư: UBND huyện Đức Phổ.

9. Quy mô, thông số kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình

a) Quy mô xây dựng:

- Công trình kè bảo vệ bờ sông, thuộc loại công trình thủy lợi cấp IV.

- Chiều dài đỉnh kè: 992 m, trong đó:

+ Đoạn kè thuộc xã Phở Thuận có chiều dài: $L = 528,0$ m.

+ Đoạn kè thuộc xã Phở Văn có chiều dài: $L = 464,0$ m.

- Công trình trên kè: 07 bậc cấp lên xuống và 02 cống thoát nước.

- Các chỉ tiêu thiết kế:

+ Công trình thủy lợi cấp IV.

+ Tần suất lưu lượng lũ thiết kế: $P = 10\%$.

b) Thông số kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu:

b1) Thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	THÔNG SỐ	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
A	THUỶ VĂN, THUỶ LỰC			
1	Tần suất lưu lượng lũ thiết kế	P%		10
2	Mức nước kiệt thi công	MNTC	m	
	- Đoạn kè thuộc xã Phổ Thuận		m	+0,80
	- Đoạn kè thuộc xã Phổ Văn		m	+0,50
3	Lưu lượng tạo lòng	Q _{tl}	m ³ /s	157,0
B	KÈ BẢO VỆ BỜ SÔNG			
-	Tổng chiều dài công trình		m	992,0
-	Số công trình trên kè			09
	+ <i>Bậc cấp</i>		CT	07
	+ <i>Cống tiêu</i>			02
I	Hạng mục: Đoạn qua xã Phổ Văn			
1	Cấp công trình			IV
2	Chiều dài tuyến kè			464,0
	- <i>Kè tường đứng</i>			130
	- <i>Kè mái nghiêng</i>		m	322,6
	- <i>Khóa cuối kè</i>			11,4
3	Cao trình đỉnh kè		m	+4,50 ÷ +4,27
4	Cao trình đỉnh chân kè		m	+1,00 ÷ +0,77
5	Kết cấu thân kè			
	<i>Kè mái nghiêng</i>	<i>Tấm lát bê tông đúc sẵn, liên kết âm dương 4 cạnh, lát trong khung BTCT M250.</i>		
	<i>Tường đứng kết hợp mái nghiêng</i>	<i>- Tường đứng: Hệ cọc, phía trong lắp ghép tấm đan BTCT M250. - Mái nghiêng: Tấm lát bê tông đúc sẵn, liên kết âm dương 4 cạnh, lát trong khung BTCT M250.</i>		
6	Hệ số mái kè			2,0
7	Kết cấu chân kè			Đá hộc thả rời + rọ đá
8	Bậc lên xuống		Cái	03
II	Hạng mục: Đoạn qua xã Phổ Thuận			
1	Cấp công trình			IV
2	Chiều dài tuyến kè			528,0
	- <i>Khóa đầu</i>			10,0
	- <i>Kè mái nghiêng</i>		m	508,0
	- <i>Khóa cuối kè</i>			10,0

TT	THÔNG SỐ	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
3	Cao trình đỉnh kè		m	+6,20
4	Cao trình cơ kè		m	+3,30
5	Cao trình đỉnh chân kè		m	+1,30
6	Hệ số mái kè (trên cơ/ dưới cơ)			1,5 / 2,0
7	Kết cấu thân kè	Tấm lát bê tông đúc sẵn, liên kết âm dương 4 cạnh, lát trong khung BTCT M250.		
8	Kết cấu chân kè		Đá hộc thả rời + rọ đá	
9	Bậc lên xuống		Cái	04
10	Cống tiêu		Cái	02

Ghi chú: Hồ sơ thiết kế áp dụng Hệ cao độ Quốc gia và Hệ tọa độ VN2000.

b2) Giải pháp thiết kế:

b2.1) Đoạn kè thuộc xã Phổ Thuận:

- Chiều dài kè $L = 528,0$ m (kể cả khóa đầu và cuối kè).
- Hình thức kết cấu kè mái nghiêng có bố trí cơ kè, kết cấu kè gồm các bộ phận chính gồm: Đỉnh, thân và chân kè.
 - Đỉnh kè: Đỉnh kè kết hợp giao thông, bề rộng $B=3,0$ m, lề phía đông có bề rộng 0,5 m; kết cấu mặt đường đỉnh kè bằng bê tông xi măng (BTXM) M300 dày 18 cm, dưới là lớp giấy dầu chống thấm và dưới cùng là lớp cấp phối đá dăm dày 12 cm; phân khe 5,0 m/ khe giãn; 40,0 m/ khe co.
 - Thân kè: Kết cấu mái kè bằng tấm lát bê tông đúc sẵn, liên kết âm dương 4 cạnh, kích thước (50x50x15) cm, lát trong khung bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm, bên dưới đệm đá (1x2) cm dày 10 cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.
 - Chân kè: Kết cấu chân kè bằng đá hộc thả rời $D \geq 30$ cm kết hợp rọ đá.
 - Công trình trên kè: 02 cống thoát nước và 04 bậc cấp lên xuống, kết cấu bằng bê tông và bê tông cốt thép.

b2.2) Đoạn kè thuộc xã Phổ Văn:

Chiều dài kè $L = 464,0$ m, hình thức kết cấu kè gồm 02 loại:

* Kè mái nghiêng: Đoạn kè từ Km0 đến Km0+159,94 và đoạn kè từ Km0+289,94 đến Km0+452,54, dài 332,54 m:

- Đỉnh kè: Là đường giao thông BTXM hiện trạng, chỉ gia cố bê tông phần lề nằm giữa tuyến kè và phần kết cấu bê tông mặt đường đã có; đoạn kè từ Km0 đến Km0+64,74 có bố trí tường nối tiếp với đoạn tường hiện trạng để ngăn lũ, chiều cao tường 50 cm; đoạn kè từ Km0+250 đến Km0+452,54 được bố trí tường hộ lan mềm phía sông.

- Thân kè: Kết cấu mái kè bằng tấm lát bê tông đúc sẵn, liên kết âm

dương 4 cạnh, kích thước (50x50x15) cm, lát trong khung bê tông cốt thép M250 đá (1x2) cm, bên dưới đệm đá (1x2) cm dày 10 cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

- Chân kè: Kết cấu chân kè bằng đá hộc thả rời $D \geq 30$ cm kết hợp rọ đá.

* Kè mái nghiêng kết hợp tường đứng: Đoạn kè từ Km0+159,94 đến Km0+289,94 có chiều dài 130,0 m.

- Phần kè mái nghiêng bao gồm bộ phận đỉnh kè và một phần thân kè mái nghiêng từ cao trình +2,64 m trở lên. Kết cấu công trình của đỉnh và mái kè tương tự như đoạn kè mái nghiêng nêu trên.

- Phần kè tường đứng: Gồm phần thân kè từ cao trình +2,67 m đến +2,61 m trở xuống và bộ phận chân kè.

+ Thân kè: Tường đứng, kết cấu bằng cọc bê tông cốt thép M300, tiết diện cọc (30x30) cm, dài 10 m đóng vào nền, khoảng cách giữa các cọc 1,67 m; liên kết giữa các đỉnh cọc bằng dầm bê tông cốt thép M250 có tiết diện (80x60) cm; trong khoảng giữa 02 cọc được bố trí 05 tấm đan bê tông cốt thép M250, kích thước (1,67x0,5x0,15) m, phía trong tấm đan đắp cát lên chặt và vải địa kỹ thuật.

+ Chân kè là phần phía ngoài tường, kết cấu tương tự như chân kè đoạn kè mái nghiêng, gồm rọ đá bọc nhựa kết hợp với đá hộc thả rời.

* Công trình trên kè: 03 bậc cấp, kết cấu bằng BTCT M250.

b2.3) Các công trình phục vụ thi công:

- Đường thi công: Tận dụng hệ thống đường giao thông hiện trạng để thi công xây dựng công trình.

- Mặt bằng tổ chức thi công: Lán trại, bãi đúc cấu kiện bê tông được bố trí ở mái phía đông, dọc theo tuyến công trình.

- Tổ chức thi công: Thi công thủ công, kết hợp cơ giới.

10. Tổng dự toán xây dựng công trình: **20.000.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng*). Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 957.162.024 đồng;

- Chi phí xây dựng: 15.728.740.193 đồng;

- Chi phí quản lý dự án: 415.524.718 đồng;

- Chi phí tư vấn đầu tư: 1.493.816.369 đồng;

- Chi phí khác: 1.103.790.762 đồng;

- Dự phòng chi: 300.965.900 đồng.

11. Nguồn vốn: Theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh.

12. Hình thức xây dựng: Xây dựng mới.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2020.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm:

1. Căn cứ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức và quản lý thực hiện dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả đầu tư theo đúng quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng.

2. Thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán xây dựng công trình tại Công văn số 1979/SNNPTNT ngày 24/7/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ; Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển Quỹ đất huyện Đức Phổ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NN), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh447).

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng